

Số: 07/2025/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 16 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật và khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-BKTNS ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định cụ thể mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật và mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật áp dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Nghị định 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) trên địa bàn tỉnh Lào Cai có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

2. Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật; người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Cây lúa:

a) Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

b) Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;

c) Sau gieo trồng trên 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

2. Diện tích mạ: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

3. Cây hằng năm khác:

a) Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

b) Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;

c) Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

4. Diện tích cây trồng lâu năm:

a) Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

b) Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

c) Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

d) Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

2. Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

3. Diện tích vườn giống, rừng giống: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

4. Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

a) Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

b) Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)

1. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm): 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

2. Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè: 30.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi bị thiệt hại.

3. Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác: 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

Điều 6. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai

1. Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu) dưới 14 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 đồng/con; từ 14 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 30.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 45.000 đồng/con.

2. Chim cú dưới 14 ngày tuổi, hỗ trợ 3.000 đồng/con; từ 14 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 5.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 đồng/con.

3. Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 600.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 1.500.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 4.500.000 đồng/con.

4. Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 6.000.000 đồng/con; trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 18.000.000 đồng/con.

5. Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 7.000.000 đồng/con.

6. Hươu sao, cừu hỗ trợ 3.750.000 đồng/con; dê hỗ trợ 1.500.000 đồng/con; đà điểu hỗ trợ 2.500.000 đồng/con.

7. Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 50.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 70.000 đồng/con.

8. Ong mật (đàn), hỗ trợ 500.000 đồng/đàn.

Điều 7. Mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật

1. Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn:

a) Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi;

b) Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi;

c) Lợn: 40.000 đồng/kg hơi;

d) Gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu: 35.000 đồng/kg hơi;

- đ) Chim cú: 20.000 đồng/kg hơi;
- e) Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi;
- g) Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cú, đà điểu): 20.000 đồng/kg.

2. Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản:

- a) Cá giống (cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg;
- b) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha;
- c) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha;
- d) Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg;
- đ) Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè, bèo: 5.000 đồng/kg.

Điều 8. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

2. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

- 1. Ngân sách trung ương.
- 2. Ngân sách địa phương.
- 3. Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật xảy ra trên địa bàn tỉnh Lào Cai trước ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì các mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP.

2. Đối với thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn tỉnh Lào Cai trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì các mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất và người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XVI, Kỳ họp thứ 4 (Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT, Báo và PTTH tỉnh;
- Các phòng CM thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng